TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Đình Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 và Quyết định định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thùy T, sinh năm 1997; địa chỉ: tổ 1, khu phố B, thị trấn U, huyện L, tỉnh Bình Dương; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Hoài A, sinh năm 1997; địa chỉ: tổ 12, khu phố X, thị trấn U, huyện L, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2022 và Biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 12 năm 2022 nguyên đơn chị Trần Thị Thùy T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh A là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương; hai bên có tổ chức lễ cưới hỏi. Sau khi kết hôn, chị T về sinh sống với chồng tại khu phố X, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương. Chị T và anh A sống hạnh

phúc đến tháng 3 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do có một lần anh A đi làm có lương thì chuyển qua tài khoản của bạn thì chị T phát hiện được. Chị T có hỏi anh A lý do vì sao anh A lại chuyển tiền như vậy thì anh A nói chuyển tiền để trả nợ. Bắt đầu từ nguyên nhân đó chị T và anh A mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được nên chị T về nhà của mẹ đẻ chị T sinh sống từ tháng 3 năm 2022. Chị T về nhà mẹ ruột ở được một tháng thì anh A hay lui tới nhà bạn gái (bạn thân của chị T) thì chị T muốn hàn gắn nên đã tự động quay về nhà chồng để sinh sống. Tuy nhiên, khi đó anh A đi làm về chỉ tắm rửa xong đi tiếp đêm cũng không về nhà. Chị T đã nhiều lần khuyên nhủ anh A nhưng vẫn nhận được câu trả lời từ anh A là bận đi làm không có thời gian về nhà.

Tháng 5 năm 2022, chị T phát hiện được anh A chính thức qua lại, ở chung với bạn thân của chị T. Chị T có đến phòng trọ để đánh ghen, có hỏi lý do vì sao là bạn thân của chị T mà lại có quan hệ bất chính với chồng của tôi. Khi đó, hai bên có xô xát thì anh A vào khuyên ngăn nói chị T về nhà nói chuyện. Tới cuối năm 2022, nhận thấy chị T và anh A không thể hàn gắn tình cảm được nên tôi đã dọn đi về nhà mẹ đẻ để sinh sống từ đó cho đến nay. Hiện nay, chị T không còn tình cảm với anh A nên yêu cầu được ly hôn anh A.

Về nuôi con chung: chị T và anh A có 02 con chung tên Lê Trần Hoài Trung, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2016 và Lê Trần An Nhiên, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2018. Hiện nay, chị T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu câu anh A cấp dưỡng nuôi con**.**

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hoài A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng anh A đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh A.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Trần Thị Thùy T khởi kiện anh Lê Hoài A về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh Lê Hoài A có nơi cư trú tại khu phố X, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh A vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh A.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về hôn nhân: hôn nhân của chị T và anh A là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 82, ngày 30 tháng 6 năm 2017; chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không có tiếng nói chung và do anh A ngoại tình. Chị T và anh A đã ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Xét thấy, chị T và anh A là vợ chồng nhưng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau là không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, quyết định cho chị T và anh A ly hôn.

[3.2] Về con chung: chị T và anh A có 02 con chung tên Lê Trần Hoài R, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2016 và Lê Trần An N, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2018. Xét thấy, con chung của chị T hiện nay còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên xét yêu cầu của chị T về nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận, chị T được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Về cấp dưỡng, chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình

[3.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: chị T không tranh chấp về chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thùy T với bị đơn anh Lê Hoài A về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thùy T với anh Lê Hoài A.

- Về nuôi con chung: giao cháu Lê Trần Hoài R, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2016 và Lê Trần An N, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2018 cho chị Trần Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ạm A lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh A.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: chị Trần Thị Thùy T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: chị Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0009501 ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- UBND thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82 cấp ngày 30 tháng 6 năm 2017);
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng